

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

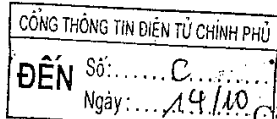
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *27* /2014/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *09* tháng *10* năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật giá;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 601/TTr-STC ngày 15 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 28/11/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Giao thông vận tải, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp, Chủ nhiệm các hợp tác xã sản xuất, kinh doanh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*la*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Website Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ TN và MT (b/c);
- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các Hội, đoàn thể;
- Cục KT văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, Tòa án ND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VPTU, VP UBND, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Quảng Nam;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, VX, NC, KTN, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Phước Thanh

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
(Kèm theo Quyết định số: *27* /2014/QĐ-UBND ngày *29/10*/2014
của UBND tỉnh Quảng Nam).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về việc thực hiện bình ổn giá; định giá của Nhà nước; hiệp thương giá, kiểm tra các yếu tố hình thành giá; kê khai giá, niêm yết giá và các công tác khác trong quản lý nhà nước về giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh) căn cứ Quy định này để thực hiện các biện pháp bình ổn giá; lập, trình: phương án giá, hồ sơ hiệp thương giá; thực hiện đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ và các biện pháp quản lý giá theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền căn cứ Quy định này để thực hiện bình ổn giá; lập, trình, thẩm định phương án giá; quyết định giá; kiểm tra các yếu tố hình thành giá; tổ chức hiệp thương giá; tiếp nhận, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đăng ký giá, kê khai giá, chấp hành pháp luật nhà nước về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý nhà nước về giá

1. Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện điều tiết giá theo quy định của Luật giá để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, của người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 4. Nội dung quản lý nhà nước về giá

1. Nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực giá phù hợp với đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.
2. Triển khai, công bố và áp dụng các biện pháp bình ổn giá tại địa phương.
3. Quyết định giá đối với những tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của UBND các cấp.
4. Tổ chức hiệp thương giá theo yêu cầu và theo quy định của pháp luật.
5. Kiểm tra các yếu tố hình thành giá, chi phí sản xuất theo quy định của pháp luật về giá.
6. Thu thập, tổng hợp, phân tích và dự báo tình hình giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh để xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.
7. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý giá; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giá theo thẩm quyền.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1: BÌNH ỔN GIÁ

Điều 5. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá và điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Phụ lục số 01 đính kèm theo Quyết định này.
2. Điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá:
 - a) Khi giá cả thị trường trong nước của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều này có biến động bất thường xảy ra ít nhất một trong các trường hợp sau:
 - Giá mua hoặc giá bán trên thị trường tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý so với mức tăng hoặc giảm giá do tác động của các yếu tố hình thành giá được tính theo chế độ chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc phương pháp tính giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
 - Giá mua hoặc giá bán trên thị trường tăng hoặc giảm bất hợp lý trong các trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, dịch họa, khủng hoảng kinh tế - tài chính, mất cân đối cung cầu tạm thời hoặc do các tin đồn thất thiệt không có căn cứ làm tăng hoặc giảm giá.
 - b) Khi mặt bằng giá biến động làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế xã hội, gây tác động xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp bình ổn giá

Thực hiện theo khoản 6, Điều 7, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về giá trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá và kiểm tra việc chấp hành các biện pháp bình ổn giá;

b) Tổ chức thực hiện kiểm tra các yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng thuộc danh mục kiểm tra các yếu tố hình thành giá, đó là: hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của nhà nước; hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo Quy định này;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật: Kiểm tra việc niêm yết giá, bán hàng hóa và dịch vụ theo giá niêm yết; việc đăng ký giá, kê khai giá, công khai thông tin về giá đối với loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá; phát hiện và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm theo quy định của Luật giá và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá do Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và công bố áp dụng tại địa phương.

2. Định kỳ hàng tháng và khi có biến động giá, Cục Hải quan tỉnh có trách nhiệm gửi bản thống kê giá hàng hóa xuất, nhập khẩu đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá về Sở Tài chính theo dõi, tổng hợp báo cáo.

Điều 8. Thực hiện đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ; cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện đăng ký giá.

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá thực hiện theo Phụ lục số 02 đính kèm theo Quy định này.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Trong thời gian nhà nước thực hiện đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện đăng ký giá bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc đăng ký giá được thực hiện như sau:

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì đăng ký giá bán buôn; trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn vừa thực hiện bán lẻ thì đăng ký cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là nhà phân phối độc quyền, tổng đại lý thì phải đăng ký giá bán buôn và giá bán lẻ và giá bán lẻ có khuyến mãi (nếu có chương trình khuyến mãi);

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là đơn vị nhập khẩu thì phải thực hiện thêm việc kê khai giá nhập khẩu.

c) Đối với tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính hoặc UBND cấp huyện sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

3. Phân công cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá:

a) Sở Tài chính chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá do cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Sở Y tế chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các mặt hàng là thuốc chữa bệnh, dụng cụ vật tư y tế và các dịch vụ khám chữa bệnh do cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh.

c) Cơ quan tài chính cấp huyện chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá của các hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá do cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh.

4. Quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá; cách thức thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5, Điều 6, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

5. Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong việc tổ chức thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo Điều 7, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

6. Sở Tài chính phối hợp với các ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh thông báo cho các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá trên địa bàn theo đúng quy định.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hằng năm hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh tham mưu UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá tại địa phương.

7. Nội dung Biểu mẫu đăng ký giá: Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Phụ lục số 05 kèm theo Quy định này.

Mục 2: ĐỊNH GIÁ

Điều 9. Trình tự, quy trình thẩm định phương án giá; hồ sơ phương án giá, nội dung phương án giá; thời hạn thẩm định và quyết định giá; trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc lập phương án giá

1. Trình tự, quy trình thẩm định phương án giá:

a) Bước 1: Lập, thẩm định phương án giá:

Các đơn vị, Sở chủ quản và Ủy ban nhân dân các huyện lập phương án giá theo lĩnh vực được phân công, gửi Sở Tài chính thẩm định.

Trường hợp Sở quản lý chuyên ngành được phân công thẩm định trình phương án giá để UBND tỉnh xem xét, quyết định thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

b) Bước 2: Trình phê duyệt phương án giá:

Sau khi thẩm định xong, Sở Tài chính, Sở quản lý chuyên ngành được phân công thẩm định trình Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

c) Bước 3: Quyết định phê duyệt phương án giá.

2. Hồ sơ, nội dung phương án giá:

Thực hiện theo Điều 9, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Hồ sơ, biểu mẫu theo Phụ lục số 04 đính kèm Quy định này.

3. Thời gian thẩm định giá và quyết định phê duyệt phương án giá:

a) Thời gian các cơ quan chủ trì thẩm định phương án giá không quá 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá theo quy định. Đối với những trường hợp có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính thì thời gian thẩm định của Sở Tài chính là không quá 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá theo quy định.

Riêng thẩm định giá đất và đơn giá thuê đất thực hiện theo các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thời gian quyết định phê duyệt phương án giá không quá 08 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá theo quy định.

c) Trường hợp cần thiết phải kéo dài thời gian thẩm định, quyết định phê duyệt phương án giá thì cơ quan, đơn vị chủ trì thẩm định và cơ quan có thẩm quyền quyết định giá có văn bản nêu rõ lý do phải kéo dài thêm thời gian để cho đơn vị trình phương án giá biết, thời gian kéo dài thêm không quá 15 ngày (ngày làm việc) cho mỗi quy trình.

4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân lập phương án giá trong việc trình thẩm định, phê duyệt:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác các định mức, căn cứ và những thông tin có liên quan đến các yếu tố hình thành giá;

b) So sánh, phân tích và giải trình tính hợp lý, hợp lệ về mức giá đề xuất.

c) Thực hiện đúng quyết định giá của cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 10: Thẩm quyền và trách nhiệm quy định giá:

UBND tỉnh quy định giá trên cơ sở tham mưu của các Sở, ngành:

1. Bảng giá các loại đất UBND tỉnh công bố: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương xây dựng gửi Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh (Sở Tài chính là cơ quan thường trực Hội đồng) xem xét; gửi Sở Tư pháp thẩm định, để Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để ban hành theo đúng quy định.

2. Đơn giá thuê đất, thuê mặt nước: Sở Tài chính chủ trì phối hợp với địa phương, Sở, ngành có liên quan xây dựng, gửi Sở Tư pháp thẩm định để trình UBND tỉnh ban hành theo đúng quy định.

3. Giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương xác định giá, gửi Hội đồng thẩm định (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là cơ quan thường trực Hội đồng) xem xét; gửi Sở Tư pháp thẩm định, để Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoàn chỉnh tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để ban hành theo đúng quy định.

4. Đơn giá cây trồng, con vật nuôi để tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương xây dựng, gửi Sở Tư pháp thẩm định, để trình UBND tỉnh ban hành.

5. Đơn giá xây dựng mới, đơn giá các thành phần công việc trong xây dựng để tính bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở ngành, địa phương liên quan xây dựng, gửi Sở Tư pháp thẩm định để trình UBND tỉnh ban hành.

6. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng, gửi Sở Tư pháp thẩm định để tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến thống nhất trước khi UBND tỉnh ban hành.

7. Giá tính thuế tài nguyên; giá nhà để tính lệ phí trước bạ: Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan xây dựng; gửi Sở Tư pháp thẩm định để trình UBND tỉnh ban hành theo đúng quy định.

8. Giá cho thuê tài sản là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh: Sở quản lý chuyên ngành (Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông,...) chủ trì phối hợp với các địa phương, Sở, ngành có liên quan xây dựng; gửi Sở Tư pháp thẩm định để trình UBND tỉnh ban hành.

9. Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo quy định về pháp luật nhà ở: Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Tài chính xây dựng; gửi Sở Tư pháp thẩm định để trình UBND tỉnh ban hành.

10. Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng; gửi Sở Tư pháp thẩm định để trình UBND tỉnh ban hành theo đúng quy định.

Điều 11: Thẩm quyền quyết định giá; phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá, quyết định giá hàng hóa, dịch vụ nhà nước định giá.

1. UBND tỉnh quyết định phê duyệt giá trên cơ sở tham mưu hoặc thẩm định của Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan:

a) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng nguồn ngân sách tỉnh: Đơn vị sản xuất, cung ứng thực hiện lập phương án giá, gửi Sở Tài chính thẩm định.

b) Giá nước sạch cho sinh hoạt: Do đơn vị sản xuất kinh doanh nước sạch lập phương án giá gửi Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Tài chính thẩm định.

c) Giá các loại gỗ tịch thu, gỗ tận thu, tận dụng khai thác từ các công trình: Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý hoặc UBND cấp huyện lập phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định.

d) Giá cước vận chuyển hàng hóa bằng ô tô, xe thô sơ, gùi công; cước vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy thanh toán từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, UBND các huyện, thành phố tham mưu trình UBND tỉnh.

đ) Đối với giá đất của từng dự án hoặc thửa đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trả tiền một lần, trả tiền hàng năm không thông qua đấu giá mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên (tính theo giá đất trong Bảng giá đất UBND tỉnh công bố) và xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất và định giá đất cụ thể để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện xác định, trình Hội đồng thẩm định giá đất thẩm định để tham mưu UBND tỉnh quyết định theo đúng quy định.

2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định; mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển được chi từ ngân sách địa phương và trung ương; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác (nếu có): Đơn vị sản xuất, cung ứng trực tiếp thực hiện lập phương án giá, gửi cơ quan Tài chính theo phân cấp quản lý kinh phí thẩm định, tham mưu trình UBND cùng cấp quyết định.

3. UBND cấp huyện, các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh được phép quyết định giá trong các trường hợp sau:

a) Sở Tài chính quyết định hoặc uỷ quyền Chủ tịch UBND cấp huyện, thủ trưởng Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh quyết định giá khởi điểm bán đấu giá tài sản thanh lý đối với các trường hợp UBND tỉnh hoặc Sở Tài chính ban hành quyết định thanh lý tài sản.

b) UBND cấp huyện quyết định giá khởi điểm bán đấu giá tài sản thanh lý đối với các trường hợp UBND huyện ban hành quyết định thanh lý tài sản.

c) Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh quyết định giá khởi điểm bán đấu giá tài sản thanh lý đối với các trường hợp thủ trưởng các Sở, Ban, ngành ban hành quyết định thanh lý tài sản.

Điều 12. Điều chỉnh mức giá đối với mặt hàng do nhà nước định giá

1. Điều kiện thực hiện điều chỉnh giá: Khi các yếu tố hình thành giá có biến động làm ảnh hưởng đến giá thành sản xuất, ảnh hưởng đến đời sống thì cơ quan có thẩm quyền quyết định giá kịp thời xem xét, điều chỉnh giá.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá có quyền kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật, nhưng phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Trình tự, thời hạn điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 9 Quy định này.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì cơ quan có thẩm quyền định giá phải trả lời bằng văn bản.

Mục 3

HIỆP THƯƠNG GIÁ, KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 13. Hiệp thương giá

1. UBND tỉnh giao Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá, khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có văn bản chỉ đạo yêu cầu hiệp thương giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản đề nghị hiệp thương giá của một trong hai (hoặc cả hai) bên mua, bên bán khi các bên này không thỏa thuận được giá mua, giá bán để ký hợp đồng.

b) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục do nhà nước quyết định giá.

c) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, cung ứng trong điều kiện đặc thù, có tính chất độc quyền mua, độc quyền bán và các bên mua, bán phụ thuộc lẫn nhau không thể thay thế được, thị trường cạnh tranh hạn chế.

2. Hồ sơ hiệp thương giá, thủ tục và trình tự hiệp thương giá; trách nhiệm của cơ quan tổ chức hiệp thương: Thực hiện theo Khoản 2, Điều 10 và Điều 11, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Hồ sơ hiệp thương giá thực hiện theo mẫu tại Phụ lục số 06 kèm theo Quy định này.

3. Quyền và trách nhiệm của bên mua, bên bán khi có yêu cầu hiệp thương:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đề nghị hiệp thương giá có quyền rút lại hồ sơ hiệp thương giá để tự thỏa thuận với nhau về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ.

b) Trường hợp phải hiệp thương giá, các bên mua, bán lập phương án giá, cung cấp đầy đủ, chính xác các định mức kinh tế kỹ thuật, các căn cứ và những thông tin về thị trường có liên quan đến các yếu tố hình thành giá, giá bán, giá mua.

c) Thực hiện mua, bán đúng giá sau khi đã hiệp thương.

Điều 14. Kiểm tra các yếu tố hình thành giá

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa dịch vụ tại khoản 2, Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bình ổn giá, định giá.

b) Khi giá cả có biến động bất thường và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kiểm tra các yếu tố hình thành giá, bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh;

b) Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá;

c) Hàng hóa, dịch vụ khác khi giá cả có biến động bất thường theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tổ chức kiểm tra các yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Nhà nước, bình ổn giá của UBND tỉnh hoặc theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Trưởng các Bộ liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Thủ tục kiểm tra các yếu tố hình thành giá được tiến hành như sau:

Theo quyết định của UBND tỉnh, Sở Tài chính có chương trình, kế hoạch kiểm tra các yếu tố hình thành giá và gửi quyết định đến tổ chức, cá nhân được

yêu cầu kiểm tra các yếu tố hình thành giá. Các tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu sau:

a) Phương án tính giá hàng hóa, dịch vụ được lập theo phương pháp chung của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn phương pháp định giá với từng lĩnh vực cụ thể do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo phương pháp định giá phù hợp do doanh nghiệp tự thực hiện; các tài liệu, sổ sách, chứng từ, căn cứ phục vụ việc lập phương án (bản chính hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền);

b) Tình hình lưu chuyển hàng hóa (tồn kho đầu năm, đầu quý, đầu tháng; nhập và xuất trong năm, trong quý, trong tháng; tồn kho cuối năm, cuối quý, cuối tháng) và tình hình cung ứng dịch vụ;

c) Báo cáo tài chính có kiểm toán của năm liên quan đến việc kiểm tra các yếu tố hình thành giá;

d) Tài liệu khác liên quan đến nội dung kiểm tra các yếu tố hình thành giá (định mức tiêu hao nguyên vật liệu chính, định mức kinh tế - kỹ thuật của cấp có thẩm quyền ban hành (nếu có), trường hợp cấp có thẩm quyền chưa ban hành thì cung cấp định mức thực tế do thủ trưởng đơn vị quyết định).

5. Thời hạn kiểm tra các yếu tố hình thành giá

a) Thời gian một lần kiểm tra tối đa là 30 ngày, kể từ ngày có quyết định kiểm tra các yếu tố hình thành giá. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian kiểm tra thì Sở Tài chính phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài nhưng thời gian kéo dài không quá 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra lần đầu.

b) Trong thời hạn tối đa 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày kết thúc kiểm tra các yếu tố hình thành giá, Sở Tài chính có trách nhiệm ban hành và gửi văn bản thông báo kết luận kiểm tra đến tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan.

6. Các hình thức xử lý: Căn cứ kết quả kiểm tra và tùy theo mức độ vi phạm, Sở Tài chính quyết định hoặc tham mưu UBND tỉnh quyết định xử lý theo một trong các hình thức sau:

a) Xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá và những quy định của pháp luật có liên quan;

b) Đình chỉ việc thực hiện giá hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định không hợp lý so với quy định hiện hành; yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải mua bán theo đúng giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định trước khi tăng giá hoặc giảm giá bất hợp lý;

c) Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh điều chỉnh giá bán hàng hóa, dịch vụ phù hợp với các yếu tố hình thành giá sau khi đã loại trừ những yếu tố tính toán không đúng với quy định của pháp luật và thực hiện bán hàng hóa, dịch vụ theo giá đã điều chỉnh;

d) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, các loại giấy phép kinh doanh được cấp có thời hạn hoặc không có thời hạn theo quy định của pháp luật;

đ) Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, Sở Tài chính chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 4: KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ

Điều 15. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; cơ quan tiếp nhận và đối tượng kê khai giá.

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá thực hiện theo Phụ lục số 03 đính kèm theo Quy định này.

2. Đối tượng thực hiện kê khai giá:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải thực hiện kê khai giá do cấp có thẩm quyền quyết định công bố có trách nhiệm thực hiện việc kê khai giá bằng việc gửi thông báo mức giá kê khai đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo, kê khai giá trước khi định giá, điều chỉnh giá ít nhất 05 ngày. Cụ thể:

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì kê khai giá bán buôn;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì phải kê khai giá bán buôn và giá bán lẻ dự kiến (nếu có).

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì phải thực hiện kê khai giá bán lẻ.

c) Đối với tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính hoặc UBND cấp huyện sau khi nhận

được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

d) Trong thời gian nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá không thực hiện kê khai giá mà thực hiện đăng ký giá theo quy định tại Điều 8 Quy định này. Hết thời gian nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá, trước khi điều chỉnh giá tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá tiếp tục thực hiện kê khai giá theo quy định.

3. Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá:

a) Sở Tài chính chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá do cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

Riêng đối với giá dịch vụ cho thuê phòng nghỉ tại các nhà nghỉ, nhà khách, khách sạn trên địa bàn thành phố Hội An và thành phố Tam Kỳ thì tất cả các tổ chức, cá nhân kinh doanh cho thuê phòng nghỉ thực hiện kê khai giá tại phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố: Hội An, Tam Kỳ.

b) Sở Y tế chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định của Bộ Y tế; tổ chức kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước.

c) Cơ quan tài chính cấp huyện chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá của hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá do cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh.

d) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

4. Sở Tài chính phối hợp với các ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh thông báo cho các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá trên địa bàn theo đúng quy định.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hằng năm hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương.

5. Cách thức thực hiện, quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá; Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện kê khai giá: Thực hiện theo Điều 15, 16 và 17, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

6. Nội dung Biểu mẫu kê khai giá :

Biểu mẫu kê khai giá quy định tại Phụ lục số 07 kèm theo Quy định này.

Điều 16. Công khai thông tin giá, niêm yết giá

1. Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá có trách nhiệm công khai những thông tin về giá, bao gồm:

- a) Các chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý giá của nhà nước;
- b) Các quyết định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c) Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về giá đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.
- d) Hình thức công khai: Đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm đưa các thông tin về thị trường, giá cả chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin theo quy định hiện hành.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm công khai thông tin về giá, cung cấp thông tin về giá bao gồm:

- a) Các thông tin về định mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu; các thông tin kinh tế - kỹ thuật liên quan đến việc kinh doanh, sản xuất hàng hóa, dịch vụ;
- b) Mức giá mua hàng hóa, dịch vụ và mức giá bán do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và những thông tin khác có liên quan đến việc kinh doanh, sản xuất hàng hóa, dịch vụ.
- c) Hình thức công khai thực hiện thông qua việc đăng ký, kê khai giá, niêm yết giá; cung cấp những hóa đơn, chứng từ và các thông tin khác có liên quan khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Những quy định công khai thông tin về giá không áp dụng đối với những thông tin không được phép công khai theo quy định của pháp luật.

4. Địa điểm thực hiện niêm yết giá, cách thức niêm yết giá: Thực hiện theo Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh

1. Sở Tài chính:

a) Thực hiện theo dõi, thu thập phân tích thông tin và dự báo về giá cả thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thiết yếu; báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính theo định kỳ, đột xuất; tham mưu, đề xuất UBND tỉnh những biện pháp bình ổn giá.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND cấp huyện có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra giá; kiểm tra các yếu tố hình thành giá thành, giá bán

hàng hóa khi có yêu cầu; thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về giá theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, các ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh danh sách tổ chức sản xuất, kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá, kê khai giá.

d) Chủ trì thẩm định phương án giá, tham mưu UBND tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ nhà nước định giá.

2. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành: Xây dựng, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài chính, Khoa học Công nghệ, Cục Thuế, Công an tỉnh, Cục Hải quan tỉnh,... tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý giá cả thị trường, chống gian lận trong kinh doanh; kiểm tra việc kê khai giá, đăng ký giá, niêm yết giá, thực hiện bình ổn giá,...; kịp thời xử lý các hành vi vi phạm, lợi dụng tình hình thiên tai, dịch bệnh, khan hiếm hàng hóa, sự biến động của thị trường để tăng giá, ép giá bất hợp lý.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Cục Thuế, Sở Tài chính và các ngành có liên quan rà soát danh sách tổ chức sản xuất, kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá, kê khai giá gửi Sở Tài chính để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện đăng ký giá, kê khai giá; phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý giá.

4. Sở Y tế phối hợp với các ngành có liên quan thanh tra, kiểm tra việc chấp hành thực hiện kê khai giá, giá bán, niêm yết giá bán đối với một số loại thuốc thiết yếu phòng và chữa bệnh cho người.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các ngành có liên quan thanh tra, kiểm tra việc chấp hành thực hiện đăng ký giá, giá bán, niêm yết giá đối với phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, muối, thức ăn chăn nuôi gia súc, giống cây trồng.

6. Các Sở, ngành có liên quan, UBND các cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật về thẩm quyền quản lý nhà nước về giá thuộc địa bàn và theo chuyên ngành quản lý, xử phạt vi phạm hành chính về giá theo sự phân công, phân cấp đã được quy định.

7. Cơ quan tài chính cấp huyện:

a) Thực hiện theo dõi, thu thập phân tích thông tin và dự báo giá cả thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, thiết yếu, giá vật liệu xây dựng; báo cáo theo định kỳ, đột xuất cho UBND cấp huyện, Sở Tài chính. Riêng đối với giá vật liệu xây dựng: cơ quan tài chính cấp huyện gửi thêm báo cáo cho Sở Xây dựng để Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh công bố chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Chi cục Thuế và các phòng ban có liên quan rà soát danh sách hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá, kê khai giá, tham mưu

UBND cấp huyện ban hành danh sách các cá nhân sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đăng ký giá, kê khai giá.

c) Công bố công khai, hướng dẫn, đôn đốc các cá nhân có tên trong danh sách đăng ký giá, kê khai giá thực hiện đúng quy định.

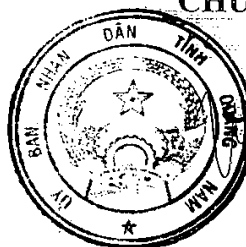
d) Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo phân cấp.

8. Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định này phải thực hiện bình ổn giá, lập phương án giá, đăng ký, kê khai giá, niêm yết giá, công khai thông tin về giá, cung cấp thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của mình; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về giá và chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý giá.

Trường hợp cần thiết, đột xuất cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ liên quan phải cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan; báo cáo cụ thể chi phí sản xuất và các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu có phát sinh vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./la

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Phước Thanh

Phụ lục: số 01

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN BÌNH ƠN GIÁ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **LF**/2014/QĐ-UBND ngày **29/10/2014**
của UBND tỉnh).

1. Xăng, dầu thành phẩm, gồm: Xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut;
2. Điện bán lẻ;
3. Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
4. Phân đạm urê, phân NPK;
5. Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
6. Vac xin phòng bệnh gia súc, gia cầm;
7. Muối ăn;
8. Sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi;
9. Đường ăn, bao gồm: đường trắng và đường tinh luyện;
10. Thóc, gạo tẻ thường;
11. Thuốc phòng, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật;

Phụ lục: số 02

**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIÁ KHI
NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014
của UBND tỉnh)*

1. Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut;
2. Điện bán lẻ;
3. Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
4. Phân đạm urê; phân NPK;
5. Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
6. Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
7. Muối ăn;
8. Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
9. Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
10. Thóc, gạo tẻ thường;
11. Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Phụ lục: số 03

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/2014/QĐ-UBND ngày 19/10/2014 của UBND tỉnh)

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai theo quy định của Bộ Tài chính:

- a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;
- b) Xi măng, thép xây dựng;
- c) Than;
- d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;
- e) Giá dịch vụ tại cảng biển, giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không sân bay;
- g) Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng;
- h) Sách giáo khoa;
- i) Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa không thuộc danh mục Nhà nước quy định khung giá;
- k) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;
- l) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;
- m) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;
- n) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định của UBND tỉnh Quảng Nam:

- a) Gạch xây dựng các loại (gạch thẻ gạch ống 4 lỗ, 6 lỗ).
- b) Đá, sỏi xây dựng các loại (đá hộc, đá dăm, đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, sỏi 1 x 2, sỏi 2 x 4, sỏi 4 x 6).
- c) Giá cho thuê phòng nghỉ tại các nhà nghỉ, nhà khách, khách sạn trên địa bàn thành phố Hội An và thành phố Tam Kỳ.

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/2014/QĐ-UBND ngày 09/10/2014
của UBND tỉnh).

**Tên đơn vị đề nghị
định giá, điều chỉnh giá**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
....., ngày tháng năm 20...

HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số Fax:

**Tên đơn vị đề nghị
định giá, điều chỉnh giá**

Số/

V/v: Thẩm định phương án giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20..

Kính gửi: *(tên các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá)*

Thực hiện quy định tại Quyết định số ngày tháng năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

... *(tên đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá)* đã lập phương án giá về sản phẩm.... *(tên hàng hoá, dịch vụ)* (có phương án giá kèm theo).

Đề nghị *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá)* xem xét quy định giá... *(tên hàng hoá, dịch vụ)* theo quy định hiện hành của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đơn vị đề nghị định giá (hoặc điều chỉnh giá)
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị đề nghị định giá, **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 điều chỉnh giá **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

PHƯƠNG ÁN GIÁ
(Đối với hàng hóa nhập khẩu)

Tên hàng hóa.....

Đơn vị nhập khẩu.....

Quy cách phẩm chất.....

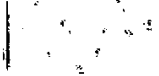
Xuất xứ hàng hóa.....

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
 CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA.**

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng nhập khẩu			
B	Giá vốn nhập khẩu			
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)			
2	Thuế nhập khẩu			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Các khoản thuế, phí khác (nếu có)			
5	Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)			
C	Chi phí chung			
6	Chi phí tài chính (nếu có)			
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý			
D	Tổng chi phí			
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm			
E	Lợi nhuận dự kiến			
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định			
H	Giá bán dự kiến			

**II. GIAI TRÌNH CHI TIẾT CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ
 SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)
2. Thuế nhập khẩu
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)
5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)
6. Chi phí tài chính (nếu có)

- 
7. Chi phí bán hàng
 8. Chi phí quản lý
 9. Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm
 10. Lợi nhuận dự kiến
 11. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
 12. Giá bán dự kiến
 13. Điều kiện giao hàng/ bán hàng

III. BẢNG SO SÁNH MỨC GIÁ ĐỀ NGHỊ VỚI MỨC GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TƯƠNG TỰ Ở THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC

[Handwritten signature or mark]

Tên đơn vị đề nghị định
giá, điều chỉnh giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.... năm...

PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Đối với hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ.....

Đơn vị sản xuất.....

Quy cách phẩm chất.....

Xuất xứ hàng hóa.....

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

STT	Nội dung chi phí	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Sản lượng tính giá				
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh				
I	Chi phí trực tiếp:				
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp				
2	Chi phí nhân công trực tiếp				
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)				
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực				
II	Chi phí chung				
5	Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)				
6	Chi phí tài chính (nếu có)				
7	Chi phí bán hàng				
8	Chi phí quản lý				
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh				
C	Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)				
D	Giá thành toàn bộ				
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm				
E	Lợi nhuận dự kiến				
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định				
H	Giá bán dự kiến				

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp
 2. Chi phí nhân công trực tiếp
 3. Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)
 4. Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực
 5. Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)
 6. Chi phí tài chính (nếu có)
 7. Chi phí bán hàng
 8. Chi phí quản lý
 9. Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh
 10. Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)
 11. Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm
 12. Lợi nhuận dự kiến
 13. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
 14. Giá bán dự kiến
 15. Điều kiện giao hàng/ bán hàng
- (Ghi chú : Khi tính toán, xây dựng phương án giá trình cấp có thẩm quyền quyết định phải thực hiện theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành)

III. BẢNG SO SÁNH MỨC GIÁ ĐỀ NGHỊ VỚI MỨC GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TƯƠNG TỰ Ở THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC

**Tên cơ quan có thẩm quyền
thẩm định phương án giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/

..., ngày ... tháng ... năm

V/v định giá, điều chỉnh giá

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền định giá)*

Sau khi nghiên cứu, xem xét phương án giá (hoặc điều chỉnh giá) kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của... *(tên cơ quan, đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá)*,... *(tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá)* có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ phương án giá (điều chỉnh giá): (ghi rõ kết quả thẩm định đối với từng khoản mục chi phí)
2. Tính khả thi của mức giá được quy định (hoặc điều chỉnh giá):
3. Kiến nghị:

Sau khi xem xét, ... *(Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá)* đề nghị mức giá (mức điều chỉnh giá) là đồng (hoặc tại Phụ lục kèm theo công văn này - đối với trường hợp có nhiều mặt hàng).

Đề nghị... *(tên cơ quan có thẩm quyền định giá)* xem xét, ban hành theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá)

Phụ lục: số 05

BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2014/QĐ-UBND ngày / /2014
của UBND tỉnh)

Tên đơn vị đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/

..., ngày ... tháng ... năm

V/v: đăng ký giá

Kính gửi: (Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)

Thực hiện Quyết định số ngày / /2014 của của UBND tỉnh Quảng Nam.

(tên đơn vị đăng ký; địa chỉ đơn vị) gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.
2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có giải thích việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Số fax:.....

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá**

thực hiện đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ

(Kèm theo Công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của Công ty.....)

Doanh nghiệp là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ).....

Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ):.....cụ thể như sau:

[illegible]

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

Tên đơn vị
thực hiện đăng
ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)

(Đối với mặt hàng nhập khẩu)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; xuất xứ hàng hóa; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP
KHẨU CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA:**

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng nhập khẩu			
B	Giá vốn nhập khẩu			
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)			
2	Thuế nhập khẩu			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Các khoản thuế, phí khác (nếu có)			
5	Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)			
C	Chi phí chung			
6	Chi phí tài chính (nếu có)			
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý			
D	Tổng chi phí (B+C)			
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm (D/A)			
E	Lợi nhuận dự kiến			
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định			
H	Giá bán dự kiến (H=Đ+E+G)			

**II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO
MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)

2. Thuế nhập khẩu
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)
5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)
6. Chi phí tài chính (nếu có)
7. Chi phí bán hàng
8. Chi phí quản lý
9. Lợi nhuận dự kiến
10. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
11. Giá bán dự kiến

(Ghi chú : Khi tính toán, xây dựng phương án giá trình cấp có thẩm quyền quyết định phải thực hiện theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Tên đơn vị
thực hiện đăng
ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo Công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; xuất xứ hàng hóa; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	DVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Sản lượng tính giá				
B	Chi phí sản xuất:				
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	Chi phí nhân viên phân xưởng				
b	Chi phí vật liệu				
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
4	Chi phí tài chính				
5	Tổng giá thành toàn bộ (1+2+3+4)				
6	Lợi nhuận dự kiến				
7	Giá bán chưa thuế (5+6)/A				
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
7	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)

(Ghi chú: Khi tính toán, xây dựng phương án giá trình cấp có thẩm quyền quyết định phải thực hiện theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Tên đơn vị
thực hiện đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo Công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với đơn vị kinh doanh thương mại trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; xuất xứ hàng hóa, điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Sản lượng hàng mua (Q)				
1	Giá vốn hàng mua				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
4	Chi phí tài chính				
5	Tổng giá thành toàn bộ (1+2+3+4)				
6	Lợi nhuận dự kiến				
7	Giá bán chưa thuế (5+6)/A				
8	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
9	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

**II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO
MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Giá vốn hàng mua.
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)

(Ghi chú: Khi tính toán, xây dựng phương án giá trình cấp có thẩm quyền quyết định phải thực hiện theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Phụ lục: số 06

HỒ SƠ HIỆP THƯƠNG GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2014 /QĐ-UBND ngày / /2014
của UBND tỉnh)

Tên đơn vị
đề nghị hiệp
thương giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

HỒ SƠ HIỆP THƯƠNG GIÁ

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số Fax:

Tên đơn vị
đề nghị hiệp thương giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

..., ngày ... tháng ... năm

V/v: hiệp thương giá

Kính gửi: (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá)

Thực hiện quy định tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày.....tháng năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Nam,

.. (tên đơn vị đề nghị hiệp thương giá) đề nghị ... (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá) tổ chức hiệp thương giá... (tên hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá) do ... (tên đơn vị sản xuất, kinh doanh sản xuất hoặc nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ) (kèm theo phương án giá hiệp thương), cụ thể như sau:

1. Bên bán:.....
2. Bên mua:.....
3. Tên hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá:.....
 - Quy cách, phẩm chất:.....
 - Xuất xứ hàng hóa:.....
 - Mức giá đề nghị của bên bán.....
 - Mức giá đề nghị của bên mua.....
 - Thời điểm thi hành mức giá.....
 - Điều kiện thanh toán.....
4. Nội dung chính của phương án giá hiệp thương:.....
.....
.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị mua hoặc bán;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị
đề nghị hiệp thương giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

PHƯƠNG ÁN GIÁ HIỆP THƯƠNG

(Kèm theo Công văn số/... ngày/.../... của ...)

Tên hàng hóa đề nghị hiệp thương giá:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất:

Xuất xứ hàng hóa:

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ:

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Sản lượng tính giá				
B	Chi phí sản xuất:				
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	Chi phí nhân viên phân xưởng				
b	Chi phí vật liệu				
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
4	Chi phí tài chính				
5	Tổng giá thành toàn bộ (1+2+3+4)				
6	Lợi nhuận dự kiến				
7	Giá bán chưa thuế (5+6)/A				
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
7	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ

- Chi phí sản xuất
- Chi phí bán hàng

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

4. Chi phí tài chính

5. Lợi nhuận dự kiến

6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)

7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)

8. Giá bán (đã có thuế)

Ghi chú : Khi tính toán, xây dựng phương án giá trình cấp có thẩm quyền quyết định phải thực hiện theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Phụ lục: số 07

MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2014/QĐ-UBND ngày / /2014
của UBND tỉnh)

**Tên đơn vị
thực hiện kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v kê khai giá

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá....)

Thực hiện Quyết định số ngày tháng ... năm 2014 của UBND tỉnh
Quảng Nam.

... (tên, địa chỉ đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ (đính
kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của
mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên đơn vị, người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Số fax:.....

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

thực hiện kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo Công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1/ Mức giá kê khai (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ):

[illegible]

2/ Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

.....

.....

.....

3/ Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu... đối với các đối tượng khách hàng (nếu có)

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /